

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-10-2021  
*V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi  
con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Kim Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Trần Thị Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 31/2021/TB-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1, ấp PC, xã PT, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 1, ấp BV, xã PT, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Lê Quốc T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Cẩm N có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 (không nhớ ngày, tháng), có tổ chức lễ tuyên bố, không có cho nữ trang và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GD vào năm 2013. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay mà không bàn việc đoàn tụ. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 07-7-2012, hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn chị Lê Thị Cẩm N:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N không đến và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, đến ngày 15 tháng 10 năm 2021 có đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa gửi đến Tòa án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N. Về con chung: giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 07-7-2012 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T và chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn xin vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T, chị N có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GD vào năm 2013. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T: Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, sau đó chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống, thời gian ly thân kéo dài từ năm 2014 đến nay mà không bàn việc đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đối với chị N. Anh T được ly hôn với chị N.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung Lê Quốc T, sinh ngày 07-7-2012. Anh T có yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kể từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu T sống với anh T ổn định, qua làm việc cháu T có nguyện vọng được sống với anh T nên Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Quốc T đối với chị Lê Thị Cẩm N. Anh T được ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Giao cho anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quốc T, sinh ngày 07-7-2012. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012702 ngày 07-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Kim Quyên**